

Bản án số: 40/2018/HS-ST
Ngày: 05-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2018/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ - Sinh năm 1987 - Nơi sinh: H, Long An; Nơi cư trú: ấp 1, xã MTB, huyện H, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T và bà Lâm Thị X; Vợ: Trần Thị MC; Có 01 người con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam: từ ngày 30-9-2018 đến nay. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7-2018, Nguyễn Văn Đ gặp và quen biết với người tên T1 và T2 (không rõ nhân thân, lai lịch). Ngày 25-9-2018, T1 gọi điện thoại rủ Đ tham gia vận chuyển xe do người khác phạm tội mà có, khi nào có xe thì T2 sẽ gọi điện cho Đ và hướng dẫn cách đi, địa điểm nhận và giao xe. Đ đồng ý. Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 30-9-2018, T2 điện thoại yêu cầu Đ đi đến ngã tư BD, huyện HM, thành phố Hồ Chí Minh để nhận xe, vận chuyển về cầu BV, thuộc xã MQT, huyện H, tỉnh Long An giao xe, tiền công vận chuyển là 200.000 đồng/01 chuyến, Đ đồng ý.

Theo hướng dẫn của T2, Đ đến bến phà thị trấn HH, huyện DH gặp T3 (không rõ nhân thân lai lịch), T3 điều khiển xe mô tô loại Wave Alpha (không rõ

biển số) chở Đ đến ngã tư BD để nhận xe. Đến nơi, Đ và T3 chờ khoảng 05 phút, lúc này khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, có 01 thanh niên điều khiển xe mô tô hiệu Honda, loại xe Winner, màu xanh-trắng, biển số 77F1-xxx.45 đến giao. Đ nhận xe và điều khiển về cầu BV, không có người nhận xe nên Đ tiếp tục điều khiển xe mô tô trên về hướng cửa khẩu TM thuộc xã MQT thì bị lực lượng công an huyện H kiểm tra, bắt quả tang.

Tang vật tạm giữ: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đỏ đen, số sim 0903xxx015 của bị cáo; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Winner, màu xanh-trắng, biển số 77F1-xxx.45, số máy KC26E1151088, số khung 2608GY303607.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 81/KL-TCKH ngày 30-9-2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H xác định: xe mô tô biển số 77F1-xxx.45 giá trị 38.000.000 đồng.

Cáo trạng số 52/CT-VKS-ĐH ngày 22-10-2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đ từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Về vật chứng: Đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đỏ đen, số sim 0903xxx015 của bị cáo dùng liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra xác định xe mô tô biển số 77F1-xxx.45 là tài sản hợp pháp của ông Phạm Hoàng V nên đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe cho ông V theo biên bản trả lại tài sản ngày 04-10-2018, ông V không có yêu cầu gì về phân trách nhiệm dân sự nên không đề cập. Điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đỏ đen là phương tiện liên lạc đề nghị tịch thu sung công quỹ

- Bị cáo Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 30-9-2018, Nguyễn Văn Đ điều khiển xe mô tô hiệu Honda, loại Winner, màu xanh-trắng, biển số 77F1-xxx.45, do người khác phạm tội mà có, từ ngã tư BD, huyện HM, thành phố Hồ Chí Minh về xã MQT, huyện H, tỉnh Long An tiêu thụ, trên đường vận chuyển đến địa phận ấp 2 xã MQT thì bị lực lượng Công an huyện H kiểm tra, bắt quả tang; Giá trị xe được xác định là 38.000.000 đồng.

[2] Các Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Quyết định phê chuẩn khởi tố bị can và Cáo trạng truy tố bị cáo của Viện kiểm sát đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp khách quan với Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập lúc 07 giờ 45 phút ngày 30-9-2018 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

[4] Bị cáo Đ đủ lý trí và năng lực để nhận thức được hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Đ phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Cáo trạng số 52/CT-VKS-ĐH ngày 22-10-2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố bị cáo Đ với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[6] Hành vi của bị cáo Đ là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự công cộng và trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa, gây trở ngại cho công tác điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự, tạo điều kiện khuyến khích cho những người khác đi vào con đường phạm tội, mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Hành vi của bị cáo Đ cần được xử lý nghiêm.

[7] Khi lượng hình cần xem xét: Bị cáo Đ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo khó khăn con còn nhỏ - là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo Đ là có căn cứ pháp luật.

[9] Xét bị cáo Đ bị xử phạt tù không quá 03 năm; Có nhân thân tốt; Có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; Có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục; Xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[10] Về vật chứng, căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và các Điều 46, 47 và 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xét thấy:

+ Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Winner, màu xanh-trắng, biển số 77F1-xxx.45, số máy KC26E1151088, số khung 2608GY303607, quá trình điều tra xác

định là tài sản hợp pháp của ông Phạm Hoàng V, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho ông V theo biên bản trả lại tài sản ngày 04-10-2018 là phù hợp, nên không tiếp tục đề cập.

+ Điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đỏ đen, số sim 0903xxx015 của bị cáo là phương tiện liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội, nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước là phù hợp. Vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện H đang quản lý.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Ông Phạm Hoàng V đã nhận lại tài sản là xe mô tô biển số 77F1-xxx.45 theo biên bản trả lại tài sản ngày 04-10-2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra và không có yêu cầu gì về phần trách nhiệm dân sự, nên không tiếp tục đưa ông V tham gia tố tụng là phù hợp.

[12] Đối với những người tên T1, T2 và T3 do bị cáo Đ khai ra, không xác định được nhân thân lai lịch, địa chỉ, không làm việc được. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục thẩm tra, xác minh đề xuất xử lý sau, nên không đề cập xử lý trong vụ án này là phù hợp. Nhằm tránh bỏ lọt tội phạm, kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh để xử lý sau theo qui định của pháp luật.

[13] Về án phí: Bị cáo Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 32, Điều 65, các Điều 46, 47 và 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Các Điều 106, 135, 136, 299, và 326 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

2. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo; Thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 05-11-2018).

Giao người được hưởng án treo là bị cáo Nguyễn Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã MTB, huyện H, tỉnh Long An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, làm việc, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Trả tự do bị cáo Nguyễn Văn Đ ngay tại phiên tòa (nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội khác).

5. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đỏ đen, số sim 0903xxx015, phương tiện liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội. Vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện H đang quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 35/QĐ-VKS-ĐH ngày 22-10-2018 và Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26-10-2018.

6. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (Ngày 05-11-2018).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Công an huyện H;
- Bị cáo; Liên quan;
- UBND xã MTB - H;
- Hồ sơ THA.HS;
- Lưu: Hồ sơ, án văn;

Nguyễn Hùng Vương